

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 155/2024/DS-PT

Ngày: 05/3/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mỹ Tiên

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Anh Minh

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc- Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/02/2024, 27/02/2024 và 05/3/2024, tại phòng xử án của
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án
thụ lý số 19/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án
nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị nguyên đơn kháng cáo và
Viện kiểm sát huyện N kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/TLPT-DS 16/01/2024,
Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 278/2024/QĐ-PT ngày 21/02/2024 và Quyết
định tạm ngừng phiên tòa số 300/2024/QĐ-PT ngày 27/02/2024, giữa các đương
sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: 724/88/24 tổ G, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: B tổ I, ấp B, xã P, huyện N, TP . .

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm
1969 (có mặt)

Địa chỉ: B tổ I, ấp B, xã P, huyện N, TP ..

4. *Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị H (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 ấp D, tổ A, xã N, huyện N, TP ..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Ngày 14/01/2020 bà có lập hợp đồng cho bà Nguyễn Ngọc N vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả vốn gốc là 01 năm. Bà N có ký tên, lãn tay có sự làm chứng của bà Huỳnh Thị H là người buôn bán chung với bà N.

Kể từ khi vay tiền đến nay bà N không trả vốn và lãi. Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu bà N phải trả nợ tính đến ngày 14/9/2023 cụ thể như sau:

+ Gốc 500.000.000 đồng (1)

+ Lãi trong hạn (từ ngày 14/01/2020 đến ngày 14/01/2021) lãi suất 20%/năm: 500.000.000 đồng x 20%/năm = 100.000.000 đồng (2).

+ Lãi quá hạn (150% lãi suất trong hạn) từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/9/2023 là 02 năm 05 tháng: 500.000.000 đồng x 30% x 2 năm = 400.000.000 đồng (3)

+ Khoản tiền chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/năm tính từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/9/2023 là 02 năm 05 tháng: 500.000.000 đồng x 10% x 2 năm = 133.200.000 đồng (3)

Tổng cộng (1) +(2) + (3) + (4): 1.133.200.000 đồng.

Bà C yêu cầu ông Nguyễn Văn T là chồng bà N phải cùng liên đới trả nợ, do bà N ghi mục đích vay là để trang trải cuộc sống trong gia đình.

Về số tiền cho bà N vay là tiền của cá nhân bà C do bà là người độc thân.

Theo trình bày của bị đơn- bà Nguyễn Ngọc N thì:

Bà N thừa nhận chữ ký và dấu lãn tay trên Giấy vay tiền ngày 14/01/2020, tuy nhiên vào thời điểm ký và lãn tay bà Như k nhìn thấy nội dung ghi vay 500.000.000 đồng mà hoàn toàn để trống. Bà N khẳng định thực chất bà chỉ vay tổng cộng 60.000.000 đồng tiền gốc (vay nhiều lần từ đầu năm 2018 đến cuối năm 2019). Các tờ giấy vay tiền bà C đều giữ hết, bà N không giữ tờ nào. Bà N đề nghị sẽ trả cho bà C lãi và gốc là 120.000.000 đồng, bằng cách mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu bà C không đồng ý thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Bà N cũng xác định việc vay tiền là của cá nhân, không liên quan đến chồng là ông Nguyễn Văn T, vì ông T không biết và không sử dụng số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Văn T trình bày:

Trước đây ông T có biết việc vợ mình vay tiền của bà C nhiều lần. Tuy nhiên từ sau năm 2019 đến nay ông không tham gia và không biết sự việc bà N vay tiền của bà C như nội dung Giấy vay tiền ngày 14/01/2020.

Người làm chứng- bà Huỳnh Thị H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2023:

Bà H xác định có làm chứng trên tờ giấy vay tiền ngày 14/01/2020 giữa bà N và bà C. Bà H xác nhận chữ viết "Tôi xác nhận chị N có nhận của chị C số tiền là

500.000.000 (năm trăm triệu đồng)” đúng là chữ viết của bà H và bà H có ký tên. Tuy nhiên thực tế bà H không chứng kiến sự việc giao nhận tiền nói trên. Bà H chỉ nhớ (không rõ thời gian) có lần bà C kêu bà H tới nhà bà C và đưa ra tờ giấy vay tiền có chữ ký và dấu lấn tay của bà N với số tiền bà N vay là 500.000.000 đồng. Bà C kêu bà H viết nội dung làm chứng nói trên và nói là “không sao đâu”, mặc dù bà H có phản đối nhưng do bà C thúc ép (vì bà H cũng vay tiền bà C), nếu không thì bà C sẽ kêu người khác nên bà H đồng ý ghi theo yêu cầu của bà C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C:

Buộc bà Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị C số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 14/01/2020 tính đến ngày 14/9/2023 là 271.968.000 đ (hai trăm bảy mươi một triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn bà Phạm Thị C kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, tại Quyết định số 26/QĐ-VKS-DS, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo- đề nghị sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Đơn yêu cầu ngày 21/02/2024, với tổng số tiền gốc và lãi là 1.127.686.500 đồng.

- Bị đơn yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến giữ nguyên nội dung kháng nghị, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn về nợ gốc, đồng thời điều chỉnh tiền lãi theo quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến phát biểu của vị Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện N, nên Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, nên được chấp nhận xem xét.

[3] Về nội dung: Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng vay tài sản ngày 14/01/2020, trong đó thể hiện số tiền cho bị đơn vay 500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả vốn gốc là 01 năm. Bị đơn xác nhận chữ ký và dấu vân tay trên Hợp đồng vay là do chính bà ký và lăn tay. Bị đơn cho rằng lúc đó chỉ là tờ giấy trắng, không có nội dung vay tiền, tuy nhiên bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai này. Mặc dù trong hợp đồng vay có sự làm chứng của bà Huỳnh Thị H, nhưng bà H cũng không xác thực được việc nguyên đơn buộc bị đơn ký không Hợp đồng vay. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bị đơn và người làm chứng để chấp nhận là không có căn cứ thuyết phục, cần sửa lại.

[3.2]. Đối với yêu cầu về tiền lãi:

Xét do nợ gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 500.000.000 đồng, nên tiền lãi cũng cần phải được sửa lại cho phù hợp. Theo hợp đồng vay tài sản các bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, mức lãi suất này vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, phía nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất quy định của pháp luật là phù hợp nên ghi nhận; vậy tiền lãi sẽ được tính như sau:

Gốc: 500.000.000 đồng (1)

Lãi trong hạn: từ ngày 14/01/2020 đến ngày 14/01/2021 (20%/năm): $20\% \times 500.000.000 \text{ đồng} = 100.000.000 \text{ đồng}$ (2)

Lãi quá hạn: từ ngày 14/01/2021 đến ngày 14/9/2023 (150% lãi suất trong hạn) là 02 năm 08 tháng: $\{(500.000.000 \text{ đồng} \times 30\%/năm) \times 2\} + \{(500.000.000 \text{ đồng} \times 2,5\%/tháng \times 8 \text{ tháng})\} = 300.000.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} = 400.000.000 \text{ đồng}$ (3).

Lãi chậm trả: Căn cứ theo Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về

lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì đây là lãi chậm trả của lãi trong hạn được tính với lãi suất 10%/năm:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 01 \text{ năm} = 10.000.000 \text{ đồng} \text{ (4)}$

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn (1) + (2) + (3) + (4) = 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu) đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tổng số tiền gốc và lãi là 271.968.000 đồng là chưa phù hợp, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, cần sửa bản án sơ thẩm.

Hơn nữa, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong.

[3.3] Ngoài ra, xét thấy tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên buộc “*Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật*” là vi phạm Điều 6 và Điều 45 của Luật Thi hành án dân sự, về sự tự nguyện thỏa thuận thi hành án của đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm cần lưu ý, rút kinh nghiệm.

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu chồng của bị đơn cùng chịu trách nhiệm trả nợ là không có cơ sở, yêu cầu kháng cáo này không được chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát huyện N và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

[5]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án nên người kháng cáo- bà Phạm Thị C không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn- bà Phạm Thị C;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 235/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Buộc bị đơn- bà Nguyễn Ngọc N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn- bà Phạm Thị C số tiền còn nợ theo Hợp đồng vay tài sản ngày 14/01/2020 tính đến ngày 14/9/2023 là 1.010.000.000 (Một tỷ không trăm mười triệu) đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị C phải chịu 5.884.325 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 19.312.500 đồng, theo biên lai số 0014626 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án huyện Nhà Bè. Bà C được nhận lại 13.428.175 (Mười ba triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, một trăm bảy mươi lăm) đồng.

- Bà Nguyễn Ngọc N phải chịu 42.300.000 (Bốn mươi hai triệu, ba trăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị C không phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0007525 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh M

Huỳnh Thị Như Hà Mai Thị Mỹ T1

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Mỹ T1

